TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2017
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Lê Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2017 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 26, ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Giang Thị Mỹ D, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 26, ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14/11/2017 nguyên đơn là anh Võ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Giang Thị Mỹ D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn xuất phát ban đầu từ việc D và em ruột của anh cự cãi, anh có khuyên nhũ nhưng không được nên anh chán nãn và bỏ đi kể từ đó chính thức ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng anh với chị D có 02 con chung gồm: Võ Thị Kim T, sinh ngày 24/5/1993 đã thành niên, đã lập gia đình và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000, hiện đang do chị D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Nay anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Giang Thị Mỹ D và đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ngoài ra anh còn có thêm yêu cầu

được vắng mặt tại phiên Tòa do hoàn cảnh kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2017 bị đơn là chị Giang Thị Mỹ D trình bày: Sau khi tìm hiểu, chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2002 vợ chồng đi Bình Dương làm ăn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến khoản tháng 04/2014 ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể nào hàn gắn lại được nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung có 02 con chung gồm: Võ Thị Kim T, sinh ngày 24/5/1993 đã thành niên, đã lập gia đình và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000, hiện đang sống với chị và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng không có.

Ngoài ra chị còn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do phải đi làm ăn xa.

Tại bản tự khai của cháu Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000 có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu là tiếp tục sống chung với mẹ là chị D sau khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh Đ, chị D có yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ với chị D sau thời gian tìm hiểu nhau và trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Đ và chị D là vợ chồng.

Về con chung: Anh Đ, chị D có hai đứa con chung tên Võ Thị Kim T, sinh ngày 24/5/1993 đã thành niên, đã lập gia đình và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000, hiện đang sống với chị D. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu T đã sống chung với chị D, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu T đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị D có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T nên yêu cầu của chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 14/11/2017 không thể hiện chị D có hay không có yêu cầu nhưng anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, đây là ý chí tự nguyện của anh phù hợp với quy định của pháp luật nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016376 ngày 16/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 6; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Võ Văn Đ và chị Giang Thị Mỹ D là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/2000 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 1.000.000 đồng/tháng của anh Đ, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày 11/12/2017, anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016376 ngày 16/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 7 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa